

QUYẾT ĐỊNH

V/v mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt
sử dụng nguồn vốn NSNN trên địa bàn thành phố năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang;

Xét đề nghị của BQL Dịch vụ Công ích tại công văn số 1051/DVCI-GSKTCL ngày 29/11/2023; phòng Kinh tế tại công văn số 1468/KT ngày 30/11/2023 và ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch tại công văn số 4092/TC-KH ngày 18/12/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang năm 2024, cụ thể như sau:

1, Mức giá chi tiết theo phụ lục đính kèm, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024.

2, Đối tượng được miễn thu: Hộ gia đình thuộc diện nghèo được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo (theo khoản 4 Điều 2 Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1, Giao Công ty CP Môi trường Đô thị Nha Trang; đơn vị trúng thầu thu gom, vận chuyển rác (theo phương án được phê duyệt); tổ tự quản thu gom rác thuộc UBND xã, phường (theo đề án được phê duyệt) tổ chức thu tiền dịch vụ trong phạm vi thu gom của đơn vị. Các BQL chợ thu của các đối tượng kinh doanh thuộc phạm vi chợ quản lý.

2, UBND các xã phường, Các BQL chợ, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao: tổ chức tuyên truyền, thông báo trên hệ thống truyền thông thành phố và xã phường để hộ gia đình, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

3, Giao BQL Dịch vụ Công ích, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Quản lý Đô thị, phòng Kinh tế, Chi Cục thuế thành phố:

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị.

- Căn cứ tình hình thực tế, tham mưu điều chỉnh mức giá thu các năm tiếp theo cho phù hợp.

Điều 3. Các nội dung khác có liên quan thực hiện theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Quản lý Đô thị, Trưởng phòng Kinh tế, Chi Cục trưởng Chi cục Thuế thành phố, Giám đốc BQL Dịch vụ Công ích, Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Nha Trang, Chủ tịch UBND các xã phường, Giám đốc Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục Thuế tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sỹ Khánh

**Bảng mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển,
xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Nha Trang năm 2024**
(Kèm theo Quyết định số 2826 /QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND thành phố Nha Trang)

<i>Stt</i>	<i>Đối tượng thu dịch vụ</i>	<i>Đơn vị tính</i>	Mức giá (đã bao gồm thuế GTGT)
1	Hộ xả thải		
1	Hộ gia đình có công nhân đến tận nơi lấy rác		
<i>a</i>	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	44.000
<i>b</i>	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	75.000
2	Hộ gia đình không có công nhân đến tận nơi lấy rác		
<i>a</i>	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	34.000
<i>b</i>	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	49.000
3	Hộ gia đình trên đảo có công nhân đến tận nơi lấy rác		
<i>a</i>	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	28.000
<i>b</i>	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	55.000
4	Hộ gia đình trên đảo không có công nhân đến tận nơi lấy rác		
<i>a</i>	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	21.000
<i>b</i>	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	28.000
5	Cá nhân thuê nhà để ở, học sinh, sinh viên ở khu nội trú, ký túc xá		
<i>a</i>	Nếu có công nhân đến tận nơi lấy rác	Đồng/người/tháng	15.000
<i>b</i>	Nếu không có công nhân đến tận nơi lấy rác	Đồng/người/tháng	11.000
6	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ (hộ kinh doanh chưa đóng thuế môn bài, có mức thuế môn bài bậc 4, 5, 6)		
<i>a</i>	Buôn bán nhỏ hàng ăn uống (chưa quản lý thu thuế môn bài)	Đồng/hộ/tháng	92.000
<i>b</i>	Hộ kinh doanh hàng ăn uống có đóng thuế môn bài	Đồng/hộ/tháng	129.000
<i>c</i>	Hộ kinh doanh ngành hàng khác	Đồng/hộ/tháng	74.000
<i>d</i>	Hộ buôn bán không có lô sạp cố định, không bán hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	55.000
*	Hộ kinh doanh trong các chợ hạng 3		
<i>a</i>	Hộ kinh doanh hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	37.000
<i>b</i>	Hộ kinh doanh ngành hàng khác	Đồng/hộ/tháng	28.000
<i>c</i>	Hộ buôn bán không có lô sạp cố định, không phải bán hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	15.000
*	Hộ kinh doanh trong các chợ hạng 1, hạng 2		
<i>a</i>	Hộ kinh doanh ăn uống, rau củ quả chưa qua chế biến, thực phẩm tươi sống, hải sản	Đồng/hộ/tháng	58.000

<i>Stt</i>	<i>Đối tượng thu dịch vụ</i>	<i>Đơn vị tính</i>	Mức giá (đã bao gồm thuế GTGT)
<i>b</i>	<i>Hộ kinh doanh ngành hàng khác</i>	<i>Đồng/hộ/tháng</i>	<i>42.000</i>
7	<i>Hộ kinh doanh buôn bán lớn (hộ kinh doanh có mức thuế môn bài bậc 1, 2, 3)</i>		
<i>a</i>	<i>Hộ kinh doanh hàng ăn uống</i>	<i>Đồng/tấn rác</i>	<i>614.000</i>
<i>b</i>	<i>Hộ kinh doanh ngành hàng khác</i>	<i>Đồng/tấn rác</i>	<i>614.000</i>
II	<i>Cơ sở sản xuất kinh doanh, trụ sở cơ quan, doanh nghiệp</i>		
8	<i>Nhà nghỉ du lịch, nhà trọ, khách sạn</i>	<i>Đồng/tấn rác</i>	<i>614.000</i>
9	<i>Các đơn vị lực lượng vũ trang, trường học, mẫu giáo, nhà trẻ, mầm non</i>		
<i>a</i>	<i>Lượng rác thải nhỏ hơn 250 kg/tháng</i>	<i>Đồng/đơn vị/tháng</i>	<i>123.000</i>
<i>b</i>	<i>Lượng rác thải từ 250 kg/tháng đến dưới 500 kg/tháng</i>	<i>Đồng/đơn vị/tháng</i>	<i>230.000</i>
<i>c</i>	<i>Lượng rác thải từ 500 kg/tháng trở lên</i>	<i>Đồng/tấn rác</i>	<i>614.000</i>
10	<i>Các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, văn phòng làm việc của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, viện nghiên cứu</i>	<i>Đồng/đơn vị/tháng</i>	<i>184.000</i>
11	<i>Cửa hàng, kho hàng, trụ sở giao dịch của các doanh nghiệp, công ty thuộc các thành phần kinh tế</i>	<i>Đồng/tấn rác</i>	<i>614.000</i>
12	<i>Các nhà máy, bệnh viện, chợ, siêu thị, nhà ga, bến cảng, các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế (không bao gồm các cơ sở chế biến thủy sản, cơ sở giết mổ gia súc, cơ sở sản xuất hóa chất)</i>	<i>Đồng/tấn rác</i>	<i>614.000</i>
13	<i>Các cơ sở chế biến thủy sản, cơ sở giết mổ gia súc, cơ sở sản xuất hóa chất, các công trình xây dựng và các đơn vị tổ chức hội chợ trên địa bàn</i>	<i>Đồng/tấn rác</i>	<i>614.000</i>
14	<i>Cơ sở sản xuất kinh doanh có phương tiện vận chuyển rác thải đến khu xử lý</i>	<i>Đồng/tấn rác</i>	<i>254.500</i>

